

GIỚI THIỆU VĂN BẢN “ĐIỀN CHẾ QUÂN CẤP LỆ” VÀ CHẾ ĐỘ RUỘNG ĐẤT ĐẦU THỜI NGUYỄN

Trần Văn Quyến*

Nhận bài: 05/06/2021; Nhận kết quả bình duyệt: 16/07/2021; Chấp nhận đăng: 18/09/2021

©2022 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Điền chế quân cấp lệ là văn bản của triều đình do Công Đồng ban hành quy định về việc phân chia ruộng đất công trong làng xã. Nội dung của văn bản quy định các mức khẩu phần ruộng đất công trong làng chia cho các quan lại võ giai, văn giai từ nhất phẩm đến cửu phẩm với các chức, tước khác nhau cho tới các hạng dân đinh, cấm binh, tinh binh, cố cù, lão nhiêu, cô nhi, quả phụ... được nhận từ 3 đến 18 phần. Đây là văn bản gốc được lưu trữ tại làng xã có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu so sánh giữa các quy định của triều đình ban hành với việc thực hiện tại thực tế ở địa phương. Từ đây có thể thấy được mối quan hệ tương tác giữa địa phương và trung ương trong lịch sử.

Từ khóa: *Điền chế quân cấp lệ; Công đồng; Công điền; Ruộng đất thời Gia Long*

1. Quá trình phát hiện văn bản: “*Điền chế quân cấp lệ*”

Chương trình nghiên cứu hợp tác giữa Viện Nghiên cứu Tương tác Văn hóa, Đại học Kansai, Nhật Bản và khoa Lịch sử - Đại học Khoa học, Đại học Huế từ năm 2009 đến 2011 do cố PGS.TS Nishimura Masanari chủ trì nghiên cứu về văn hóa, lịch sử Huế và vùng phụ cận đã tiến hành điều tra nguồn tư liệu Hán Nôm của 25 làng xã với tổng số hơn 6.000 trang văn bản được số hóa. Làng Đức Bưu (phường Hương Sơ, thành phố Huế) là một trong số các làng có 67 tập tài liệu với 253 văn bản, tương đương với 924 trang văn bản Hán Nôm tại đình làng được số hóa đợt này¹. Số lượng các văn bản như bảng 1:

Các văn bản trong hòm bộ của làng Đức Bưu bảo lưu được có niên đại trải dài từ thế kỷ 17 đến đầu thế kỷ 19, trong đó văn bản thời Nguyễn là nhiều nhất. Nội dung tư liệu hết sức phong phú có tính chất tiêu biểu của làng xã xứ Huế phản ánh cuộc sống sinh hoạt truyền thống thường ngày như việc khai thác ruộng đất đến đời sống văn hóa tín ngưỡng tôn giáo, gia đình, họ tộc... Gồm các loại hình: Văn bản pháp quy (như: *Điền tô sai dư thuế lệ* năm Gia Long thứ 2 (1803); *Điền chế quân cấp lệ* năm Gia Long thứ 3 (1804); loại văn bản kê khai (địa bạ, điền bạ, đinh bạ...); loại văn bản sinh hoạt (văn tế, sổ kiểm kê bàn giao giấy tờ, văn khế mua bán ruộng đất...). Việc bảo tồn gần 1000 trang tài liệu qua gần 4 thế kỷ cho thấy được tinh thần tôn trọng quá khứ, cũng như tầm quan trọng của các giấy tờ này đối với đời sống của nhân dân làng Đức Bưu. Đây là một hòm bộ quan trọng, tiêu biểu với các văn bản phần lớn là bản gốc, độc bản là tư liệu quan trọng cho các nhà nghiên cứu.

* Viện Nghiên cứu Nhận thức và giáo dục Thăng Long, Đại học Thăng Long

Bảng 1. Số lượng các văn bản

STT	Nội dung văn bản	Số lượng
1	Ruộng đất	57
2	Dân cư, dân đinh	68
3	Thuế đinh	2
4	Thuế điền	
5	Đơn xin, sắc phong thần	17
6	Bình dịch, lao dịch	5
7	Văn tế, liên quan đến tế lễ	5
8	Đóng góp xây dựng đình chùa	2
9	Mốc giới địa phận làng	12
10	Làng khác với triều đình	1
11	Tờ trình với cấp trên	23
12	Văn bản cấp trên với làng	2
13	Kê khai tiên tổ dòng họ	1
14	Kiểm kê văn bản làng	11
15	Việc chung và tài sản làng	17
16	Bản khắc gỗ	1
17	Chưa rõ nội dung	30
Tổng		253

2. Về văn bản Điền chế quân cấp lệ

Văn bản Điền chế quân cấp lệ nằm trong hòm bộ (sổ sách) tại đình làng Đức Bưu có số thứ tự lưu trữ số hóa là [Đức Bưu 41]ii với kích thước: 19,5cm x 31,5cm, gồm có 31 trang, mỗi trang có 7 cột chữ, in năm Gia Long thứ 3 (1804). Đây là văn bản khắc in đóng dấu son Công Đờngiii chi ấn 公同之印 (kích thước 9,6cm x 9,6cm) thể hiện tính nguyên gốc và tính pháp quy của công văn do triều đình trực tiếp phát hành. Trang cuối có dòng xác nhận tiếp nhận văn bản vào ngày mồng 1 tháng 4 năm Bính Dần của xã Đức Bưu, huyện Phú Vang, dinh Quảng Đức (丙寅年四月初壹日奉廣德營富榮縣德郵) và đóng dấu: 同寅協恭 Đờng Dàniv Hiệp Cung.

Ngoài bản *Điền chế lệ quân cấp* ở làng Đức Bưu thì trong hòm bộ các làng Quy Lai (xã Phú Thanh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế), làng Xuân Hòa (xã Hương Long, thành phố Huế) cũng có lưu giữ văn bản này với nội dung và hình thức giống nhau [2]. Cuối các trang văn bản đều có ghi tên làng mà văn bản được chuyển đến và đóng dấu 同寅協恭 Đờng dãn hiệp cung. Điều đó cho thấy rằng *Điền chế quân cấp lệ* là văn bản pháp quy được triều đình nhà Nguyễn cho khắc in và phổ biến tới tận các thôn làng để thực hiện ngay từ những năm đầu khi Gia Long phục quốc.

Tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm không có văn bản khắc in nào của Điền chế quân cấp lệ nhưng có lưu giữ một văn bản với tiêu đề: 嘉龍均給官田法 Gia Long quân cấp quan điền pháp, ký hiệu A.1185 gồm 28 trang viết tay. Dòng niên đại của văn bản này đề: 嘉隆三年四月初七日 - ngày mùng 7 tháng 4 năm Gia Long thứ 3 (1804) ở ngay sau phần lời tựa và trang cuối của văn bản cùng với 4 chữ 大方朱印 đại phương châu ấn cho biết ở văn bản gốc có đóng ấn, dưới cùng có dòng "Thừa sao bản" 承抄本 (Bản sao lại). So sánh nội dung văn bản bản Điền chế quân cấp lệ của làng Đức Bưu và bản A.1185 thì thấy nội dung gần như giống nhau tuy nhiên ở bản A.1185 các chữ Cửu đều không viết kiêng húy và có 79 chỗ viết sai, thiếu hoặc nhầm chữ so với bản

khắc in. Điều này cho thấy bản A.1185 có lẽ là bản được Viện Viễn Đông Bác Cổ vào đầu thế kỷ XX cho sao chép lại một bản gốc Điền chế quân cấp lệ nào đấy.

3. Nội dung văn bản Điền chế quân cấp lệ và chế độ ruộng đất thời Gia Long

3.1. Nội dung văn bản

3.1.1. Nguyên văn chữ Hán

田制均給例

公同欽旨定均田之法。國家原有定制，頃遭變亂，成典廢壞，官名不正，軍號不明，習以強豪，率行占濫，民間多有不均之患。茲欽奉上德，敷賁前功，放下議行均給良法，以革侵奪舊習，欽此。參稽古制，釐定分數，自文武一品之上至從九品及兵民老疾孤寡等項，各隨正社額簿品次先後，照以本社公田公土分給有差。所自條目具計于左，俾各遵據永為恆式，茲欽定。

武階

一品之上：拾捌分：宗人府宗人令，太師，太傅，太保。正一品：拾五分：宗人府左右宗正，少師，少傅，少保，掌軍掌府事，掌象政，侍中都統制，掌營。從一品：拾五分：諸軍署府事，神策軍都統制，侍中副都統制。正二品：拾肆分：副將，神策軍副都統制，侍中統制，侍內統制，水營統制。從二品：拾參分半：副統制，侍中衛尉，掌奇。正三品：拾參分：侍內衛尉，神策軍衛尉，侍中副衛尉，侍中該奇，正管圖家該奇，侍內正管該奇，副管圖家該奇，侍內副管該奇，正屯該奇，諸鎮鎮守，各營公堂留守。從三品：拾貳分半：侍內副衛尉，神策軍衛尉，副水營該奇，副屯該奇，正巡海都營，諸軍營衛尉。正四品：拾貳分：諸軍營正支該奇，諸軍營副衛尉，諸軍正管奇，侍內該奇，神策軍該奇，長壽宮該

奇，副巡海都營。從四品：拾壹分半：諸軍營副支該奇，諸軍副管奇，正副管該奇，諸軍營該奇，侍中該隊，正副管圖家該隊，監城使，按撫使。正五品：拾壹分：侍內該隊，神策軍該隊，長壽宮該隊，坤德宮該隊，屬王子王孫該隊，侍中副隊，諸軍營正校尉，監城副使，各別道正支該奇各鎮營該奇，各別道該奇，各守所該奇。從五品散階從五品：拾分半：侍內副隊，神策軍副隊，諸軍營副校尉，諸軍營該隊，山陵太廟司膳該隊，各別道副支，各別道正校尉，靜海尉飛騎尉，由散階從五品，長舵正管副管。正六品散階正六品：拾分：各祠堂外廚房該隊，諸軍營副隊，各別道副校尉，靜海副尉飛騎副尉，各屬堅/監奇該隊，各鎮營該隊，各別道該隊，各守所該隊，各屬堅副隊，由散階正六品以下（源頭海門該隊守禦如守禦員前已受該奇職其口分宜同各守所該奇，長舵該隊，把令該隊，小侯該隊，公庫局匠公車該隊，該隊從軍該隊仍。從六品散階從六品：玖分半：侍中隊長，侍內隊長，神策軍隊長，長壽宮隊長，坤德宮隊長，屬王子王孫隊長，諸軍正隊長，諸軍營隊長，各別道副隊，山陵太廟司膳隊長，各祠堂外廚房隊長，各屬堅奇隊長，各鎮營隊長，各別道隊長，各守所隊長，由散階從六品以下，把令副隊，小侯副隊。從七品：玖分：由散階以下，助理助理，各府提督，各庫提領提領仍，各府提領，長舵隊長，把令隊長，小侯隊長，公庫公車隊長，隊長從軍隊長仍。從八品：捌分半：由散階以下，小侯正該官，各局匠正該官，小侯該官，各局匠該官，各隊舵次隊長，把令次隊長，公庫公車次隊長。從九品未入流：捌分：由散階以下，小侯正司官，各局匠正司官，小侯司官，各局匠司官，次隊長仍，由未入流以下，該

縣, 該屬, 該總該總仍, 副總 副總仍, 各局匠首合。

文階

一品之上: 拾捌分: 宗人府宗人令, 太師, 太傅, 太保。正一品: 拾五分: 宗人府左右宗正, 少師, 少傅, 少保。從一品: 拾肆分半: 參政, 參議, 侍中大學士。正二品: 拾肆分: 六部尚書, 都察院左右都御史。從二品: 拾參分半: 六部參知, 都察院左右副都御史, 贊理。正三品: 拾參分: 正詹事, 侍中直學士, 侍中學士, 諸殿直學士, 諸殿學士, 諸鎮協鎮, 各營公堂該簿記錄。從三品: 拾貳分半: 少詹事, 正營該簿, 諸軍參贊, 尚寶卿, 神策軍參軍。正四品: 拾貳分: 國子監督學, 六部僉事, 尚寶少卿, 東各學士, 諸軍營參軍參謀, 長壽宮該簿, 各鎮參協。從四品: 拾壹分半: 國子監副督學, 宣撫使, 侍中參論, 諸軍營典軍該簿典軍。正五品散階正五品: 拾壹分: 侍內參論, 神策軍參論, 翰林承旨侍講侍讀制誥侍書修撰, 翰林院, 諸鎮營督學。由散階正五品以下, 欽天監監正, 太醫院御醫正, 該簿體。從五品 散階從五品: 拾分半: 諸軍營參論, 諸鎮營副督學, 諸別道該簿典軍參論。由散階從五品以下, 正營知簿, 侍中該案知簿, 侍內該案知簿, 神策軍書記該案知簿, 長壽宮該案知簿, 坤德宮該案知簿, 諸軍營書記該案知簿, 長舵參論, 知簿體, 司膳該案, 六部令史司勾稽, 屬圖家該案知簿, 圖家令史司勾稽令史體司勾稽, 各鎮營書記該案知簿, 諸別道該案知簿, 欽天監監副, 太醫院御醫副, 欽天監占候。正六品: 拾分: 知府。從六品散階從六品: 玖分半: 侍書院, 貢士院。由散階從六品以下: 六部令史司該合, 侍中該合, 侍內該

合, 神策軍該合, 長壽宮該合, 坤德宮該合, 諸軍營該合, 太醫院醫正, 圖家令史司該合, 令史體司該合, 諸鎮營二司勾稽。正七品散階從七品: 玖分: 知縣, 知州。由散階從七品以下: 六部令史司首合, 侍中首合, 侍內首合, 神策軍首合, 長壽宮首合, 坤德宮首合, 諸軍營首合, 太醫院醫副, 圖家令史司首合, 令史體司首合, 諸鎮營二司該合, 諸鎮營占候司該合, 諸源頭海門該案知簿評論, 諸別道該合, 守所知案該合。正八品散階從八品: 捌分半: 助教, 儒學訓導, 訓道任。由散階從八品以下: 六部令史司本司, 長壽宮令史司本司, 坤德宮令史司本司, 醫院, 圖家令史司本司, 令史體司本司, 占候史司本司, 諸鎮營二司首合, 諸鎮營占候司首合, 諸別道首合守所首合。正九品散階從九品, 未入流: 捌分: 國子監禮生, 各府禮生。由散階從九品以下: 諸鎮營二司本司, 諸鎮營占候, 諸別道守所令史, 各府府記錄。由未入流以下: 記縣, 記屬, 府縣提吏, 該府體, 記錄體, 良醫, 外科良醫, 法錄, 將臣, 社長, 村長, 庄長, 該寨, 祠丞, 該合首合在家。禁兵: 九分: 侍中各衛, 中侯二至九船并震威三隊, 內直衛各隊, 小差隊, 侍茶隊, 把軸各隊, 左衛右衛二隊, 內黃鈞隊, 內水奮翼衛, 侍象各衛, 內馬一二二隊, 左馬右馬二隊。從禁兵, 精兵: 捌分半: 神策軍五營: 中營各衛, 前營各衛, 左營各衛, 右營各衛, 後營各衛。精兵以下: 中軍各衛, 前軍各衛, 左軍各衛, 右軍各衛, 後軍各衛, 神武軍各衛, 振武軍各衛, 象軍各衛各奇, 水軍各奇及各号體, 小侯把令各隊, 諸軍各奇隊, 先鋒營, 廣義十奇, 上道各支, 長壽宮各司隊船, 屬宗人府堅順奇, 屬王子王孫九翊各隊, 堅勇三隊, 六部屬堅各隊, 監城各隊, 前(站?)屯

肅威明威三衛, 獻勇全勇堅勇嚴勇四衛, 內厨侍行各隊, 新一忠勤內勤各隊。從精兵: 捌分: 各鎮本鎮軍, 各營公堂本營軍, 安攻各隊, 越祥長春二隊, 堅舟奇, 繕舟奇, 槽稅全(銃)船, 各營庫軍。襲蔭官員子孫: 柒分半。隸屬兵, 圖家各局匠: 柒分: 國親各貴衙防侯常班別放各隊, 長舵各隊, 公差搬差各隊。文庫守城軍, 巡城各隊 [由舊林工], 各源頭守禦軍, 各海門守禦軍, 管府各員隸隨軍, 中侯隸隨軍, 林工各隊, 驛舍各隊, 公車各校, 各衙屬軍, 薪柴各隊。

由圖家各局以下: 裁縱匠司, 木匠家木各司, 銀匠司, 石機銃匠冶匠各司, 鑄匠司, 新鑄錢匠司, 蔑材匠司, 耳匠司, 錫匠司, 金湘匠司, 銅壺匠司, (旂)匠司, 龍繡匠司, 漆匠司, 瓦匠司, 磚匠司, 卷簾匠司, 畫匠司, 軸匠司, 金帽匠司, 帽匠司, 綵帽匠司, 鞋匠司, 蠟匠司, 鋸匠司, 才工像匠司, 飭馬圖匠司, 玳瑁匠司, 畫埤渠匠司, 刻字匠司, 治器械匠司, 梳匠司, 熟皮匠司, 裱匠司, 鏡匠司, 石匠隊, 染匠司, 紅絲花匠司, 枕床槽匠司, 白灰匠司, 筆匠司, 包鼓匠司, 牙扇匠司, 羽扇匠司, 纏(?)匠司, 花燈匠司, 竹檉匠司, 鉦槌匠司, 磨面匠司, 象輿匠司, 包髮匠司, 纏刀柄匠司, 墨匠司, 粉米匠司, 印餅匠司, 乾餅匠司, 煜炭匠司, 木炭校, 灰餅匠司。

實納各項民: 陸分半: 別併各項。別納產物各項。壯軍民三項。民丁不具老項: 五分半。老饒顧窮: 肆分半。小饒饒疾篤廢: 肆分。孤兒寡婦 (無父曰孤如男女雖多止許長子壹人。無夫曰寡若再醮面再寡者無田分): 參分。一自一品之上至從三品致事者其坐次及口分並依本職品至如自正四品至從九品仍官者其坐次及口分

照依本職, 但退在任員之後存未入流仍職者其坐次在實納民項之先士人課中之後其口分與實納民項同一。士人考課經已預中格有單准除搜另者, 許食在實納民各項及未入流仍職之先, 口分並同。前往官員命婦正室自一品之上至從五品許食田照依本夫官品干分減半。自正六品至從九品並四分限以滿夫喪三年, 領此分田為勸節之田 (沒後滿服或改嫁交回本社)。官員兵民間或命改許仍舊留分田三年為卹喪田, 親者受領耕徵雖值均給期內社員兵並不得奪取換易, 如某員人卹喪田滿限本社同以此原田分置勸節田, 及孤兒寡婦田完止餘。若干還本社均給許他人。限以三年一番均給, 合內社人數零分, 若干再照內社田, 若干其給田分照有一二三三等肥瘦相制量取足分, 不得以先次而盡占肥田。如已均給之後或某官員新陞官職, 及民項新補為兵, 已有原田分許照新陞某品次干分則本社同取, 滿喪改嫁及孤兒已到限各項田還來權增分給以足本分。若無者姑待到期均給方得照品取分如例。老饒寡婦年七十以上並許田增一分。孤兒男長至入簿, 女長至有夫其田分還本社。已到期均給後或有滿喪田改嫁田, 及孤兒已到限其田分還來本社, 如社內間有某員兵初受及民始續簿本社宜量取此田權給暫食。若無者許留此田置為本社公用田, 待至他期均給方得相分認食。其社內員兵不得先自替易占取。

嘉隆三年四月初七日。[公同之印]

丙寅年四月初壹日奉廣德營富榮縣德郵。[同寅協恭]

Dịch nghĩa: (tham khảo [2])

ĐIỀN CHẾ QUÂN CẤP LỆ

Công Đồng kính vâng theo chỉ chuẩn định ra phép quân điền. Quốc gia vốn có định chế, nhưng vừa rồi vì gặp biến loạn, nên pháp điển hư hoại, [khiến cho] quan danh bất chính, quân hiệu bất minh, lâu dần khiến bọn cường hào lộng hành làm càn, dân gian có nhiều mối lo về sự không quân bình. Nay kính vâng theo ý đức Hoàng thượng, làm rạn vỡ công nghiệp đời trước, nên mới ban xuống việc thi hành lương pháp quân cấp, để trừ bỏ những thói cũ, kính vâng theo. Kính xem xét thể chế xưa và quy định số phần, từ Văn Võ nhất phẩm trở lên, cho đến Tòng cửu phẩm và các hạng binh dân, những người già cả, tàn tật, cô quả. Mỗi hạng đều tùy theo chính xã ngạch bạ thứ bậc trước sau mà chiếu theo công điền, công thổ của bản xã để phân cấp cho có thứ bậc. Các hạng mục đều được liệt kê như bên dưới, khiến cho mỗi hạng theo đó mà tuân hành để làm quy thức vĩnh viễn. Nay kính vâng lệnh vua mà làm ra quy định:

Võ giai:

Từ Nhất phẩm trở lên: 18 phần: Tôn nhân phủ. Tôn nhân lệnh. Thái sự. Thái phó. Thái bảo.

Chánh nhất phẩm: 15 phần: Tôn nhân phủ tả hữu tôn chính. Thiếu sự. Thiếu phó. Thiếu bảo. Chưởng quân chưởng phủ sự. Chưởng tượng chính. Thị trung Đô thống chế, Chưởng doanh.

Tòng nhất phẩm: 14 phần rưỡi: Chư quân Thự phủ sự. Thần Sách quân Đô thống chế. Thị trung Phó Đô thống chế.

Chánh nhị phẩm: 14 phần: Phó tướng. Thần Sách quân Phó Đô Thống chế. Thị trung Thống chế. Thị nội Thống chế. Thủy doanh Thống chế

Tòng nhị phẩm: 13 phần rưỡi: Phó thống chế. Thị trung Vệ Úy. Chưởng cơ.

Chánh tam phẩm: 13 phần: Thị nội Vệ Úy. Thần Sách quân Vệ Úy. Thị trung Phó Vệ Úy. Thị trung Cai cơ. Chánh quản Đồ gia Cai cơ. Thị nội Chánh quản Cai cơ. Phó quản Đồ gia Cai cơ. Thị nội phó quản Cai

cơ. Chánh đồn Cai cơ. Trấn thủ các trấn. Lưu thủ các doanh công đường.

Tòng tam phẩm: 12 phần rưỡi : Thị nội Phó Vệ Úy. Thần Sách quân Phó Vệ Úy. Phó thủy doanh Cai cơ. Phó đồn Cai cơ. Chánh tuần hải đô doanh. Chư quân doanh Vệ Úy.

Chánh tứ phẩm: 12 phần: Chư quân doanh chánh chi Cai cơ. Chư quân doanh Phó Vệ Úy. Chư quân Chánh Quản cơ. Thị nội Cai cơ. Thần Sách quân Cai cơ. Trường Thọ cung Cai cơ. Phó tuần hải đô doanh

Tòng tứ phẩm: 11 phần rưỡi: Chư quân doanh Phó chi Cai cơ. Chư quân Phó Quản cơ. Chánh phó quản tào Cai cơ. Chư quân doanh Cai cơ. Thị trung Cai đội. Chánh phó quản đồ gia cai đội. Giám thành sứ. Ấn phủ sứ.

Chánh ngũ phẩm: 11 phần: Thị nội Cai đội. Thần Sách quân Cai đội. Trường Thọ cung Cai đội. Khôn Đức cung Cai đội. Thuộc vương tử vương tôn Cai đội. Thị trung phó đội. Chư quân doanh chánh Hiệu úy. Giám thành phó sứ. Các biệt đạo chánh chi Cai cơ. Các trấn doanh Cai cơ. Các biệt đạo Cai cơ. Các thú sở Cai cơ.

Tòng ngũ phẩm và tản giai tòng ngũ phẩm: 10 phần rưỡi: Thị nội Phó đội. Thần Sách quân Phó đội. Chư quân doanh phó Hiệu úy. Chư quân doanh Cai đội. Sơn lăng Thái miếu Tư thiện Cai đội. Các biệt đạo phó chi. Các biệt đạo chánh Hiệu úy. Tỉnh hải úy. Phi kỵ úy. Tản giai tòng ngũ phẩm: Trường Đà chánh quản, phó quản.

Chánh lục phẩm và tản giai chánh lục phẩm: 10 phần: Các từ đường ngoại trừ phòng Cai đội. Chư quân doanh Phó đội. Các biệt đạo phó Hiệu úy. Tỉnh hải Phó úy. Phi kỵ phó úy. Các thuộc kiên cơ Cai đội. Các trấn doanh Cai đội. Các biệt đạo Cai đội. Các thú sở Cai đội. Các thuộc kiên Phó đội. Tản giai Chánh lục phẩm trở xuống: các viên vốn là Cai đội thủ ngự ở đầu nguồn, cửa biển từ trước đã được thụ chức Cai cơ, thì khẩu phần nên giống với các Thủ sở Cai cơ, Trường Đà Cai đội, Bả Lệnh Cai đội, Tiểu Hầu Cai đội, Công khố cục tượng công xa Cai đội, Cai đội tòng quân như Cai đội)

Tòng lục phẩm và tản giai tòng lục phẩm: 9 phần rưỡi: Thị trung Đội trưởng. Thị nội Đội trưởng. Thần Sách quân Đội trưởng. Trường Thọ cung Đội trưởng. Khôn Đức cung Đội trưởng. Thuộc vương tử vương tôn Đội trưởng. Chư quân Chánh Đội trưởng. Chư quân doanh Đội trưởng. Các biệt đạo Phó đội. Sơn lăng, Thái miếu, Tư thiện Đội trưởng. Các từ đường ngoại trừ Đội trưởng. Các thuộc giám cơ Đội trưởng. Các trấn doanh Đội trưởng. Các biệt đạo Đội trưởng. Các thủ sở Đội trưởng. Do tản gia Tòng lục phẩm trở xuống: Bả Lệnh Phó đội. Tiểu Hầu phó đội.

Tòng thất phẩm: 9 phần: Từ tản giai trở xuống: Trợ lý Khâm lý. Các phủ Đề đốc. Các khố Đề lĩnh như Đề lĩnh. Các phủ Đề lĩnh. Trường Đà Đội trưởng. Bả Lệnh Đội trưởng. Tiểu Hầu Đội trưởng. Công khố, công xa Đội trưởng. Đội trưởng tòng quân như Đội trưởng.

Tòng bát phẩm: 8 phần rưỡi: Từ Tản giai trở xuống: Tiểu Hầu Chánh Cai quan. Các cục tượng chánh Cai quan. Tiểu Hầu Cai quan. Các cục tượng Cai quan. Các đội thuyền Thứ Đội trưởng. Bả Lệnh thứ đội trưởng. Công khố, công xa Thứ Đội trưởng.

Tòng cửu phẩm và vị nhập lưu: 8 phần: Từ tản giai trở xuống: Tiểu Hầu Chánh ty quan. Các cục tượng Chánh Ty quan. Tiểu Hầu Ty quan. Các cục tượng Ty quan. Thứ đội trưởng. Từ Vị nhập lưu trở xuống: Cai huyện. Cai thuộc. Cai tổng, như Cai tổng. Phó tổng, như phó tổng. Các Cục tượng, Thủ hợp.

Văn giai:

Nhất phẩm trở lên: 18 phần: Tôn nhân phủ, Tôn nhân lệnh. Thái sư. Thái phó. Thái bảo.

Chánh nhất phẩm: 15 phần: Tôn nhân phủ, Tả hữu tôn chính. Thiếu sư. Thiếu phó. Thiếu bảo.

Tòng nhất phẩm: 14 phần rưỡi : Tham chính. Tham nghị. Thị trung Đại học sĩ.

Chánh nhị phẩm: 14 phần: Thượng thư Lục bộ. Đô thống viện - Tả hữu Đô ngự sử.

Tòng nhị phẩm: 13 phần rưỡi : Tham tri Lục bộ. Đô thống viện Tả hữu Phó Đô ngự sử. Tán lý.

Chánh tam phẩm: 13 phần: Chánh Thiêm sự. Thị trung Trực Học sĩ. Thị trung Học sĩ. Chư điện Trực học sĩ. Chư điện học sĩ. Hiệp trấn các trấn. Cai bạ, Ký lục công đường các doanh.

Tòng tam phẩm: 12 phần rưỡi : Thiếu Thiêm sự. Chánh quản Cai bạ. Tham tán chư quân. Thượng bảo khanh. Thần Sách quân Tham quân.

Chánh tứ phẩm: 12 phần: Đốc học Quốc tử giám. Thiêm sự Lục bộ. Thượng bảo Thiếu khanh. Đông các Học sĩ. Chư quân doanh Tham quân Tham mưu. Trường Thọ cung Cai bạ. Các trấn Tham hiệp.

Tòng tứ phẩm: 11 phần rưỡi: Quốc Tử Giám Phó Đốc học. Tuyên phủ sứ. Thị trung Tham luận. Chư quân doanh Điển quân, Cai bạ Điển quân.

Chánh ngũ phẩm và Tản giai Chánh ngũ phẩm: 11 phần: Thị nội Tham luận. Thần Sách quân Tham luận. Hàn lâm Thừa chỉ, Thị giảng, Thị độc, Chế cáo, Thị thư, Tu soạn. Hàn lâm viện. Chư trấn doanh Đốc học. Từ Tản gian Chánh Ngũ phẩm trở xuống: Khâm thiên giám Giám chính. Thái y viện Ngự y chính. Cai bạ tào.

Tòng ngũ phẩm và Tản giai Tòng ngũ phẩm: 10 phần rưỡi : Chư quân doanh Tham luận. Chư trấn doanh Phó Đốc học. Chư biệt đạo Cai bạ Điển quân Tham luận. Từ tản giai Tòng Ngũ phẩm trở xuống: Chánh doanh Tri bạ. Thị trung Cai án Tri bạ. Thị nội Cai án Tri bạ. Thần Sách quân thư ký Cai án Tri bạ. Trường Thọ cung Cai án Tri bạ. Khôn Đức cung Cai án Tri bạ. Chư quân doanh Thư ký Cai án Tri bạ. Trường Đà Tham Luận. Tri bạ tào. Tư Thiện Cai án. Lệnh lại ty Câu kê lục bộ. Thuộc đồ gia Cai án Tri bạ. Đồ gia lệnh sử ty Câu kê, Lệnh sử tào ty Câu kê. Các trấn doanh Thư ký Cai án Tri bạ. Các biệt đạo Cai án Tri bạ. Khâm thiên giám Giám phó. Thái y viện Ngự y phó. Khâm thiên giám Chiêm hầu.

Chánh lục phẩm: 10 phần: Tri phủ

Tòng lục phẩm và Tản giai tòng lục phẩm: 9 phần rưỡi : Thị thư viện. Cống sĩ viện. Từ tản giai tòng Lục phẩm trở xuống: Lệnh sử ty Cai hợp lục bộ. Thị trung Cai hợp. Thị nội Cai hợp. Thần Sách quân Cai hợp. Trường Thọ cung Cai hợp. Khôn Đức cung Cai hợp. Chư quân doanh Cai hợp. Thái y viện Y chính. Đồ gia lệnh sử ty Cai hợp, Lệnh sử tào ty Cai hợp. Chư trấn doanh nhị ty Câu kê.

Chánh thất phẩm và Tản giai tòng thất phẩm: 9 phần: Tri huyện. Tri châu. Từ tản giai tòng thất phẩm trở xuống: Lệnh sử ty Thủ hợp lục bộ. Thị trung Thủ hợp. Thị nội Thủ hợp. Thần Sách quân Thủ hợp. Trường Thọ cung Thủ hợp. Khôn Đức cung Thủ hợp. Chư quân doanh Thủ hợp. Thái y viện Y phó. Đồ gia lệnh sử ty Thủ hợp, Lệnh sử tào ty Thủ hợp. Chư trấn doanh nhị ty Cai hợp, chư trấn doanh Chiêm hầu ty Cai hợp. Các đầu nguồn cửa biển Cai án, Tri bạ, Bình luận. Chư biệt đạo Cai hợp, Thủ sở Tri án Cai hợp.

Chánh bát phẩm và Tản giai tòng bát phẩm: 8 phần rưỡi: Trợ giáo. Nho học Huấn đạo. Huấn đạo nhậm. Từ tản giai tòng bát phẩm trở xuống: Lệnh sử ty bản ty lục bộ. Trường Thọ cung lệnh sử ty bản ty. Khôn Đức cung lệnh sử ty bản ty. Y viện. Đồ gia lệnh sử ty bản ty, Lệnh sử tào ty bản ty. Chiêm hầu lại ty bản ty. Chư trấn doanh nhị ty Thủ hợp. Chư trấn doanh Chiêm hầu ty Thủ hợp. Chư biệt đạo Thủ hợp, Thủ sở Thủ hợp.

Chánh cửu phẩm và Tản giai tòng cửu phẩm Vị nhập lưu: 8 phần: Quốc Tử Giám Lễ sinh. Lễ sinh các phủ. Từ tản giai tòng cửu phẩm trở xuống: Bản ty hai ty các trấn doanh. Chiêm hầu các trấn doanh. Thủ sở lệnh sử các biệt đạo. Ký lục các phủ. Từ vị nhập lưu trở xuống: Ký huyện, Ký thuộc. Đề lại phủ huyện. Cai phủ tào. Ký lục tào. Lương y. Lương y ngoại khoa. Pháp lục. Tướng thần. Xã trưởng, thôn trưởng, trang trưởng. Cai trại. Từ thừa. Cai hợp Thủ hợp tại gia.

Cấm binh: 9 phần: Thị trung các vệ. Thuyền Trung hầu từ thuyền nhị đến thuyền cửu và 3 đội Chấn uy. Các đội Nội

trực vệ. Đội Tiểu sai. Đội Thị trà. Các đội cầm dù. Hai đội Tả vệ Hữu vệ. Đội Nội hoàng nhận. Nội Thủy phần dực vệ. Thị tượng các vệ. Hai đội Nhất Nhị Nội mã. Hai đội Tả mã Hữu mã.

Tòng cấm binh và Tinh binh: 8 phần rưỡi : 5 doanh quân Thần Sách. Các vệ Trung doanh. Các vệ Tiền doanh. Các vệ Tả doanh. Các vệ Hữu doanh. Các vệ Hậu doanh. Tinh binh trở xuống: Các vệ Trung quân. Các vệ Tiền quân. Các vệ Tả quân. Các vệ Hữu quân. Các vệ Hậu quân. Các vệ quân Thần Võ. Các vệ quân Chấn Võ. Các vệ, các cơ Tượng quân. Các cơ và các hiệu tào Thủy quân. Các đội Tiểu Hầu, Bả Lệnh. Các cơ đội chư quân. Doanh Tiên phong. Mười cơ Quảng Nghĩa (Ngãi). Các Chi thượng đạo. Các ty đội thuyền cung Trường Thọ. Cơ Kiên Thuận thuộc Tôn nhân phủ. Các đội thuộc vương tử vương tôn, Cửu dực. Ba đội Kiên dũng. Các đội Thuộc kiên lục bộ. Các Giám thành. Ba vệ: Tiền Du đồn ba vệ: Túc uy, Kiên uy, Minh uy. Bốn vệ: Hiến dũng, Toàn dũng, Kiên dũng, Nghiêm dũng. Các đội: Nội trừ, Thị hành. Các đội: Tân Nhất, Trung Cần, Nội Cần.

Tòng tinh binh: 8 phần: Quân bản trấn ở các trấn. Quân bản doanh ở các công đường các doanh. Các đội An công. Hai đội: Việt tường, Trường xuân. Cơ Kiên chu. Cơ Thiện chu. Tào thuế toàn sung thuyền. Quân khố các doanh.

Con cháu quan viên tập ấm: 7 phần rưỡi.

Lệ thuộc binh và các cục tượng đồ gia: 7 phần: Quốc thân các quý nha phòng hầu: Thường ban, Biệt phóng các đội. Các đội Trường Đà. Các đội Công sai, Bát sai. Văn Miếu, Thủ thành quân. Các đội Tuần thành [vốn là Lâm công]. Quân thủ ngự các đầu nguồn. Quân Thủ ngự các cửa biển. Các viên lệ tùy quân quản phủ. Trung hầu lệ tùy quân. Các đội Lâm công. Các đội Dịch xá. Các hiệu Công xa. Các quân nha thuộc. Các đội Tân sai.

Từ Đồ gia các cục tượng trở xuống: Các ty tượng may vá (tài tủng). Các ty: Mộc tượng, Gia mộc. Ty Ngân tượng. Các ty: Thạch cơ, Sung tượng, Dã tượng. Ty Chú

tượng. Các ty: Tân chú, Tiền tượng. Mậu tài tượng ty. Nhĩ tượng ty. Tích tượng ty. Kim tương tượng ty. Đồng hồ tượng ty. Kỳ tượng ty. Long tú tượng ty. Tất tượng ty. Ngõa tượng ty. Chuyên tượng ty. Quyển liêm tượng ty. Họa tượng ty. Dù tượng ty. Kim mạo tượng ty. Mạo tượng ty. Thái mạo tượng ty. Hải tượng ty. Miệt tượng ty. Cừ tượng ty. Tài công tượng ty. Súc mã đồ tượng ty. Đại mạo tượng ty. Họa xà cừ tượng ty. Khắc bản tượng ty. Khắc tự tượng ty. Trị khí giới tượng ty. Sơ tượng ty. Thục bì tượng ty. Biểu tượng ty. Kính tượng ty. Thạch tượng đội. Nhiễm (nhuộm) tượng ty. Hồng ty hoa tượng ty. Chấm sang tào tượng ty. Bạch hôi tượng ty. Bút tượng ty. Bao cổ tượng ty. Nha phiến tượng ty. Vũ phiến tượng ty. Triền ty tượng ty. Hoa đăng tượng ty. Trúc ninh tượng ty. Chinh trùy tượng ty. Yếm diện tượng ty. Tượng dư tượng ty. Bao phát tượng ty. Triền đao binh tượng ty. Mặc tượng ty. Phấn mẽ tượng ty. Ấn binh tượng ty. Can binh tượng ty. Dục thán tượng ty. Mộc thán hiệu. Hôi binh tượng ty.

Các hạng: dân thực nạp: 6 phần rưỡi : Biệt tính các hạng. Biệt nạp sản vật các hạng. Ba hạng: Tráng, Quân, Dân.

Các hạng: dân đình, bắt, cụ, lão: 5 phần rưỡi .

Các hạng: lão nhiều, cổ, cùng: 4 phần rưỡi .

Các hạng: tiểu nhiều, nhiều tật, đốc phế: 4 phần.

Các hạng: cô nhi, quả phụ (Không có cha gọi là Cô (mồ cô), như có nhiều trai gái chỉ cho một người trai cả. Không chồng gọi là Quả (góa); nếu tái giá mà lại góa nữa thì không được chia ruộng): 3 phần.

[Các điều lệ]:

1. Người từ Nhất phẩm cho đến Tòng Tam phẩm về hưu ngôi thứ và khẩu phần, đều theo phẩm hàm bản chức. Còn những người từ Chánh Tứ phẩm cho đến Tòng Cửu phẩm vẫn còn làm quan thì thứ bậc và khẩu phần dựa theo bản chức, người về hưu đứng sau người tại nhiệm. Còn Vị nhập lưu thì ngôi thứ ở trước hạng dân

thực nạp. Sĩ nhân sau khi khảo khóa trúng thì khẩu phần cũng giống với hạng dân thực nạp.

2. Sĩ nhân khảo khóa đã được dự trúng cách nếu người nào có đơn chuẩn miễn trừ sưu lính, thì được cho xếp trước các hạng dân thực nạp và những người vị nhập lưu còn giữ chức, nhưng khẩu phần thì như nhau.

3. Những mệnh phụ chính thất của quan viên đã mất từ Nhất phẩm trở lên cho đến Tòng Ngũ phẩm thì cho được hưởng thực điền dựa theo quan phẩm của chồng, nhưng khẩu phần thì giảm một nửa. Còn từ Chánh Lục phẩm đến Tòng cửu phẩm đều 4 phần, hạn đến lúc mãn tang chồng 3 năm thì thôi. Đây là ruộng Khuyến Tiết (khuyến khích sự tiết hạnh) (sau khi mãn phục hoặc cải giá thì phải giao lại cho bản xã).

4. Quan viên binh dân nếu mất thì vẫn được giữ lại phần ruộng 3 năm để làm ruộng tuất táng, người thân [của họ] sẽ thụ lãnh mà trung canh, dẫu khi đến kỳ quân cấp thì viên binh trong xã cũng không được chiếm lấy mà thay đổi. Giả như có người nào mà ruộng tuất táng đã mãn hạn thì bản xã cùng lấy nguyên [số] ruộng đó để phân làm ruộng khuyến tiết, cùng với ruộng cô nhi góa phụ thừa ra thì trả lại cho bản xã để quân cấp cho người khác.

5. Hạn lấy 3 năm một lần quân cấp, hợp với số người trong xã để phân chia cả phần lẻ, số còn lại sẽ chiếu theo ruộng trong xã, số ruộng phân cấp thì phải theo 3 hạng nhất nhị tam tốt xấu chia nhau mà xét lấy cho đủ phần, chứ không được lấy trước mà chiếm hết ruộng tốt. Nếu như sau khi đã quân cấp mà có quan viên nào mới được thăng chức, hay hạng dân nào mới được bổ làm binh mà đã có nguyên điền phân cho thì cho phép dựa theo thứ bậc chức phẩm mới được thăng, bản xã sẽ lấy các hạng điền mãn tang, cải giá, cho đến hạng cô nhi đã đến hạn trả lại để tạm cấp tăng phần cho đủ số phần. Nếu người nào không có thì hãy đợi đến kỳ quân cấp mới được chiếu theo phẩm bậc mà được phân cấp như lệ.

6. Hạng lão nhiều góa phụ từ 70 tuổi trở lên đều được tăng thêm một phần điền.

7. Hạng cô nhi, con trai lớn đến tuổi nhập bạ, nữ lớn đến tuổi lấy chồng thì ruộng được phân trả lại cho bản xã.

8. Sau khi đã đến hạn quân cấp nếu có mất tang điền, cải giá điền, và đến cả cô nhi đã đến hạn ruộng phân cho họ phải trả lại cho bản xã, thì nếu như trong bản xã có viên binh nào đó mới được nhận và dân mới nhập bạ thì bản xã nên lượng xét lấy số ruộng đó để tạm cấp. Nếu không có người nào thì được lưu lại số ruộng đó để đặt làm ruộng công của bản xã, và phải đợi đến kỳ quân cấp khác thì mới được cùng phân chia nhận thực. Viên binh trong xã không được tự tiện thay đổi chiếm lấy trước.

Ngày mùng 7, tháng 4, năm Gia Long thứ 3 (1804)

[Đóng dấu: Công Đồng chi ấn]

Ngày mồng 1, tháng tư, năm Bính Dần (1806) ban cho xã Xuân Hòa, huyện Hương Trà, dinh Quảng Đức.

[Đóng dấu: *Đông Dần Hiệp Cung*]

3.2. Chế độ ruộng đất đầu thời Nguyễn

Việc quản lý và phân chia ruộng đất công làng xã là việc rất quan trọng đối với mỗi làng xã. Do tính chất đặc thù và tự trị của làng xã Việt Nam nên có lẽ tùy từng làng ở từng thời điểm và khu vực mà có cách thức phân chia ruộng đất khác nhau dựa trên quy định chung của nhà nước. Quyền quản lý ruộng đất công thuộc về làng xã, nhà nước không can thiệp và không có quyền lấy ruộng đất công của làng này cấp cho làng khác được. Quá trình quản lý, sử dụng và phân chia ruộng đất công của làng như thế nào là do bộ máy quản trị xã thôn tiến hành và quyết định. Đến đầu thế kỷ XIX nhà nước cũng chỉ dừng lại ở quy định cách thức phân chia ruộng công chung cho các làng mà không có văn bản pháp lệnh bắt buộc tất cả các làng phải tuân thủ. Về chế độ ruộng đất đầu thời Nguyễn của tác giả Vũ Huy Phúc năm 1979 đã có công trình nghiên cứu chuyên khảo rất chuyên sâu[3].

Theo *Đại Nam thực lục* [4] và *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* [5] thì quy định

của triều đình về lệ quân cấp công điền, công thổ cũng có nội dung giống với bản *Điền chế quân cấp lệ* của làng Đức Bưu: “*năm Giáp tý, Gia Long năm thứ 3 [1804], mùa hè, tháng 4: Định lệ quân cấp công điền công thổ. Vua cho rằng phép quân điền buổi quốc sơ đã có định chế, từ loạn Tây Sơn, đồ bản sổ sách đều mất bỏ, quan danh không chính, quân hiệu không minh, những bọn hào hữu tự ý lấn cướp, dân gian phần nhiều có cái nạn không đều. Bèn sai đình thần tham khảo phép cũ, bàn định việc chia cấp theo thứ bậc khác nhau.*”

1. Khẩu phần thì ở trên nhất phẩm được 18 phần, chánh nhất phẩm 15 phần, tòng nhất phẩm 14 phần rưỡi, chánh nhị phẩm 14 phần, tòng nhị phẩm 13 phần rưỡi, chánh tam phẩm 13 phần, tòng tam phẩm 12 phần rưỡi, chánh tứ phẩm 12 phần, tòng tứ phẩm 11 phần rưỡi, chánh ngũ phẩm 11 phần. Từ đấy trở xuống tảm giai cũng thế. Tòng ngũ phẩm 10 phần rưỡi, chánh lục phẩm 10 phần, tòng lục phẩm 9 phần rưỡi, chánh tòng thất phẩm đều 9 phần, chánh tòng bát phẩm đều 8 phần rưỡi, chánh tòng cửu phẩm và vị nhập lưu đều 8 phần. Các vệ đội, thuyền thuộc cấm binh là Thị trung Trung hầu, Chấn uy, Nội trực, Tiểu sai, Thị trà, Bả cái, Tả vệ, Hữu vệ, Nội hoàng kiếm, Nội thủy, Phấn dực, Thị tượng, Nội mã, Tả mã, Hữu mã, đều 9 phần. Tòng cấm binh thì năm dinh quân Thần Sách, tinh binh thì năm quân và các quân Thần uy, Chấn võ, Tượng quân, Tiểu Hầu, Bả Lệnh, cơ Quảng Ngãi, dinh Tiền phong, chi trưởng thượng đạo, các ty cung Trường Thọ và các vệ cơ đội thuyền Kiên thuận, Cửu dực, Kiên dũng, Thuộc kiên, Giám thành, Túc uy, Kiện uy, Minh uy, Hiến dũng, Toàn dũng, Kiên dũng, Nghiêm dũng, Nội trù, Tân nhất, Trung cần, Nội cần, đều 8 phần rưỡi. Tòng tinh binh thì các cơ đội thuyền An công, Việt tường, Tràng xuân, Kiên châu, Thiện châu, Tàu thuế, Toàn súng, các kho, đều 8 phần. Con cháu tập ấm được 7 phần rưỡi. Binh lệ thuộc, những thợ ở Đờ gia, đều 7 phần. Các hạng dân thực nạp 6 phần rưỡi. Các hạng dân đình và lão tật 5 phần rưỡi. Các hạng lão nhiều, cố, cùng 4 phần rưỡi. Các hạng tiểu nhiều, nhiều tật, đốc phế, 4 phần. Con

mồ côi, đàn bà góa, 3 phần; con cái mồ côi dẫu nhiều, chỉ cho một người trưởng; vợ góa lấy chồng lại mà lại góa thì không có phần ruộng.

2. Lão nhiều và quả phụ, tuổi 70 trở lên, thì chiếu khẩu phần cấp thêm cho một phần. Con trai mồ côi đã thành đinh và con gái bỏ chồng đã lấy chồng thì ruộng trả về làng.

3. Từ trên nhất phẩm đến tòng tam phẩm mà hưu trí thì ngôi thứ và khẩu phần đều y theo nguyên phẩm. Quan từ tứ phẩm đến cửu phẩm về hưu thì ngôi thứ và khẩu phần cũng y theo nguyên phẩm, nhưng ở sau quan đương chức. Còn những hưu quan vị nhập lưu, thì ngôi thứ ở trên dân thực nạp và ở dưới học trò trúng khóa; khẩu phần cũng như thế.

4. Quan hay dân chết thì được để ruộng khẩu phần trong ba năm làm ruộng “tuất tang”v. Sau khi hết tang, quan từ ngũ phẩm trở lên thì vợ được chiếu nhận phần ruộng của chồng 5 phần 10; quan lục phẩm trở xuống thì vợ được chiếu nhận ruộng của chồng 4 phần 10, làm ruộng “khuyến tiết”vi. Vợ con của hạng dân thì cấp theo lệ quả phụ cô nhi. Những người vợ ấy hoặc chết hoặc hết tang, hoặc cải giá, thì ruộng ấy trả lại dân để dùng vào việc công.

5. Số ruộng: Cứ hạn ba năm thì chia cấp ruộng một lần, chiếu theo bực ruộng xấu tốt chia cho đều. Khi đã quân cấp rồi mà có quan mới được thăng bổ hay dân hạng mới kén làm lính, và những dân đinh tục thêm thì cho xã dân trích lấy những ruộng của người chết đã mãn tang và đàn bà góa đi lấy chồng mà chia cấp. Nếu không có các thứ ruộng ấy thì đợi đến kỳ quân cấp sau, chiếu hạng cấp cho).

Đoạn ghi chép của Quốc sử quán cho thấy từ việc đình nghị của vua Gia Long và triều thần vào tháng 4 năm 1804 thì Công Đồng đã ngay lập tức soạn thảo bản *Điền chế quân cấp lệ* cho khắc in và chuyển về tận địa phương để các làng xã lấy đó làm căn cứ phân chia ruộng đất công của làng mình. Quy định về thứ tự ưu tiên chia các hạng ruộng công và đất công trong xã phải chuẩn cấp khẩu phần trước cho người có

quan phẩm, rồi sau mới đến ruộng lương và khẩu phần của người lính và sau nữa mới đến khẩu phần của dân đinh, đàn ông đàn bà cho thấy ý tưởng muốn can thiệp sâu của triều đình nhà Nguyễn tới làng xã. Trong quy định về việc chia ruộng đất này thì phần ưu tiên luôn dành cho các binh lính. Đến năm 1839 thì Minh Mạng ra chỉ dụ thôi không cấp ruộng khẩu phần cho các quan viên đương chức do đã có lương bổng đủ để chi dùng, còn các quan viên hưu trí, hưu dưỡng thì vẫn được chiếu lệ chia cấp ruộng đất khẩu phần để giúp cho việc nuôi dưỡng. Triều đình đã buộc phải lùi bước khi gặp phải sự phản đối quyết liệt từ các làng xã nhất là những cuộc nổi dậy của nông dân ở miền Bắc. Do việc có nhiều quan lại đã xây dựng nhà ở trên đất khẩu phần của mình, do đó không thể thu hồi được nên năm sau 1840 Minh Mạng lại ra thêm một chỉ dụ nữa để dung hòa tầng lớp quan lại ở địa phương đó là cho phép chia ruộng đất cho các hạng quan lại, lính thợ và dân hạng bằng nhau không phân biệt. Đối với những đất ruộng công đã xây thành cơ ngơi nhà ở thì tính số mẫu sào, khấu trừ vào khẩu phần đáng được mà nhận nộp thuế lệ; nếu như nhà đất để ở không đủ khẩu phần đáng được thì cấp bù, nếu nhiều hơn thì phải nộp thuế lệ gấp đôi [5]. Như vậy từ năm 1804 đến trước năm 1840 thì *Điền chế quân cấp lệ* vẫn là văn bản hướng dẫn quan trọng, làm chuẩn mực và căn cứ để các làng dựa vào đó để chia ruộng khẩu phần cho các hạng dân trong làng.

4. Kết luận

Thông qua việc tìm hiểu nội dung *Điền chế quân cấp lệ* cho thấy được triều đình nhà Nguyễn đã tìm cách can thiệp vào cách thức phân chia khẩu phần ruộng đất công làng xã vào đầu thế kỷ XIX nhằm dựa vào đó để quản lý đất đai – nguồn tư liệu sản xuất quan trọng thời phong kiến. Tuy nhiên giữa văn bản có tính chất hướng dẫn của nhà nước và thực tế địa phương khác nhau luôn là rào cản khiến cho tính thực thi và pháp chế của *Điền chế quân cấp lệ* không được tuân thủ triệt để. Việc các bản này được lưu trữ tại các làng: Đức Bru, Xuân Hòa, Quy Lai... cho thấy được văn bản

của triều đình nhà Nguyễn ngay từ những năm đầu đã thực sự đi về được tới từng làng xã. Ngoài ra nội dung của văn bản ghi chi tiết các chức quan thuộc văn giai và võ gia được chia thành phẩm hàm khác nhau từ nhất phẩm đến cửu phẩm sẽ góp phần cho việc nghiên cứu về quan chức và tổ chức bộ máy của triều Nguyễn đầu thế kỷ XIX. Việc mở rộng nghiên cứu và phân tích các văn bản địa phương, nhất là cách thức

phân chia ruộng đất công làng xã trong tương lai, so sánh với các quy định của triều đình sẽ thấy rõ được mối quan hệ, tương tác giữa trung ương và địa phương.

5. Ghi nhận

Nghiên cứu này được tài trợ một phần bởi Quỹ Phát triển khoa học công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: 601.99- 2020.302.

ⁱ Hiện toàn bộ số tư liệu Hán Nôm được của làng Đức Bưu đã được lưu trữ file số hóa tại khoa Lịch sử Đại học Khoa học, Đại học Huế; Trung tâm Tương tác quốc tế - Đại học Kansai, Nhật Bản và lưu trữ cá nhân thuộc gia đình cố PGS.TS Nishimura. Nhân đây tôi xin chân thành cảm ơn các bên đã cho phép tôi sử dụng và công bố tập tài liệu quan trọng này.

ⁱⁱ Trong quá trình số hóa, nhóm số hóa đã đặt ký hiệu cho từng tập tài liệu để tiện cho quá trình lưu trữ và nghiên cứu. Ví dụ [Đức Bưu 41] có nghĩa là tập tài liệu số 41 trong hòm bộ làng Đức Bưu.

ⁱⁱⁱ Khi vừa khôi phục được đất đai Gia Định, Nguyễn Ánh đã cho lập một triều đình đơn giản, gồm sáu bộ và vài cơ quan khác và đến tháng 8, năm Đinh Mùi(1789), ông cho “*đặt thụ Công Đồng làm nơi các quan văn võ hội*

ngự. Phàm chỉ vua mà truyền thị và sai phái đều xưng là Công Đồng (ấn khắc bốn chữ 添言允協 Thiêm ngôn doãn hiệp). Công Đồng chỉ họp mỗi tháng bốn ngày, nhưng nếu gặp những việc quan trọng đột xuất, vua có thể cho họp bất thường.

^{iv} Ấn: Đồng dần hiệp cung được đúc vào tháng 4 năm Quý Hợi, niên hiệu Gia Long năm thứ 2 [1803]. *Đại Nam thực lục* cho biết: *Đúc một cái ấn nhỏ khắc bốn chữ “Đồng dần hiệp cung”, phàm Công Đồng truyền thị việc gì thì dùng đóng ở chỗ giáp lề; tấy cái cũng dùng.*

^v Nghĩa là ruộng để giúp đỡ nhà có tang

^{vi} Nghĩa là ruộng để khuyến khích người đàn bà thủ tiết.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Đăng, “Tình hình sưu tầm, xử lý và bước đầu khai thác các văn bản Hán Nôm ở Thừa Thiên Huế”, in trong: *Văn hóa-lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr 266-267, (2010).
- [2] Lê Văn Thuyên (chủ biên), *Văn bản Hán Nôm làng xã ở Huế giữa thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX*, tập I, Nxb Thuận Hóa, Huế, Tr 66-84. tham khảo bản dịch ở các trang: 66-84. Đồng thời bản dịch cũng được ThS Hoàng Ngọc Cương xem lại, (1996).
- [3] Vũ Huy Phúc, *Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 188-208, (1979).
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr 598-600.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn, (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, quyển 37, tập 4, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr 69-70 & tr 73.

PHỤ LỤC

Văn bản Điền chế quân cấp lệ lưu tại làng Đức Bưu	Văn bản Điền chế quân cấp lệ lưu tại làng Xuân Hòa
	
	

